

Số: 105/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 23/11/1994; Số CCCD: 046194010432; Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường K, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Trọng T1, sinh ngày 07/03/1993; Số CCCD: 046093005269; Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường K, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Trọng T1

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trọng Tuấn K, sinh ngày 16-11-2017 và cháu Hoàng Trọng Tuấn K1, sinh ngày 19-01-2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi các cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Anh Hoàng Trọng T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng để nuôi các cháu Hoàng Trọng Tuấn K, sinh ngày 16-11-2017 và cháu Hoàng Trọng Tuấn K1, sinh ngày 19-01-2020 là 3.000.000 đồng/02 cháu, kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi cháu thành niên (đủ 18 tuổi).

Trường hợp người có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với khoản cấp dưỡng thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000101 ngày 15-8-2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H; chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./..

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 3, thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Đương sự;
- UBND phường Kim Trà
(Đăng ký kết hôn số 118/2016 ngày 26/12/2016
của UBND xã Hương Toàn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Anh

